

Hà Nội, ngày **28** tháng 6 năm 2010

Kính gửi : Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, Ngành, ngày 29 tháng 6 năm 2009 Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành Công văn số 2070/BHXH-KHTC về báo cáo thống kê hàng tháng áp dụng đối với BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thời gian qua BHXH các tỉnh, thành phố đã cơ bản tổ chức thực hiện theo quy định. Nhưng, do Luật Bảo hiểm y tế có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009, nên cần thiết bổ sung thông tin về hoạt động của BHXH các tỉnh, thành phố nhằm phục vụ công tác chỉ đạo của lãnh đạo Ngành. BHXH Việt Nam xây dựng chỉ tiêu thống kê theo mẫu gửi kèm và yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố thực hiện:

- Về báo cáo tháng theo các chỉ tiêu từ A1 đến B4, thời gian chốt số liệu ngày 25 tháng báo cáo, gửi về Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 28 hàng tháng. Riêng báo cáo tháng 12 hàng năm, chốt số liệu đến ngày 31/12 và gửi về BHXH Việt Nam trước ngày 05/01 năm sau.

- Về báo cáo quý theo các chỉ tiêu từ B5 đến B6, chốt số liệu đến ngày 25 tháng cuối quý và gửi báo cáo về BHXH Việt Nam trước ngày 28 tháng cuối quý. Riêng báo cáo quý IV chốt số liệu đến 31/12 gửi về BHXH Việt Nam trước ngày 05/01 năm sau.

Công văn này thay thế Công văn số 2070/BHXH-KHTC về công tác báo cáo thống kê hàng tháng. Yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố thực hiện báo cáo các chỉ tiêu thống kê đầy đủ. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó TGD;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH VN;
- Lưu VT, KHTC(02).



Lê Bạch Hồng


**THỐNG KÊ THU, CHI
BHXH, BHYT, BHTN**

 (Ban hành theo CV số 2618 ngày 28/6/2010 của TGD)

(Đơn vị tính: Triệu đồng; người)

CÁC CHỈ TIÊU		Mã số	Số phát sinh trong tháng	Lũy kế đến kỳ báo cáo
1		2	3	4
A	CÁC CHỈ TIÊU THU	01	0	0
A1	THU BẢO HIỂM XÃ HỘI	02	0	0
1	BHXH bắt buộc	03		
	- Số người	04		
	- Số tiền	05		
2	BHXH tự nguyện	06		
	- Số người	07		
	- Số tiền	08		
A2	BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP	09		
	- Số người	10		
	- Số tiền	11		
A3	BẢO HIỂM Y TẾ	12		
	- Số người đóng BHYT (Bao gồm tất cả đối tượng tham gia theo Điều 12 Luật BHYT)	13		
	<i>Trong đó: + Cán bộ, công chức, viên chức, người LĐ</i>	14		
	+ Hưu trí	15		
	+ Người có công với cách mạng	16		
	+ Người nghèo	17		
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	18		
	+ Người thuộc hộ cận nghèo	19		
	+ Học sinh, sinh viên	20		
	+ Tự nguyện	21		
	- Số tiền thu BHYT	22		
	<i>Trong đó: Số tiền thu BHYT tự nguyện</i>	23		
A4	THU LÃI PHẠT CHẠM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN	24		
A5	Số tiền nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN	25	0	0
	<i>Trong đó: - Trên 1 tháng đến dưới 3 tháng</i>	26		
	- Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	27		
	- Từ 6 tháng đến dưới 12 tháng	28		
	- Từ 12 tháng trở lên	29		
B	CÁC CHỈ TIÊU CHI	30		
B1	CHI BHXH TỪ NSNN	31	0	0
1	Chi hàng tháng	32	0	
1.1	Hưu trí	33		
	- Số người	34		
	- Số tiền	35		
1.2	Mất sức lao động	36		
	- Số người	37		
	- Số tiền	38		

09.597032

CÁC CHỈ TIÊU		Mã số	Số phát sinh trong tháng	Lũy kế đến kỳ báo cáo
1		2	3	4
1.3	Công nhân cao su	39		
	- Số người	40		
	- Số tiền	41		
1.4	Trợ cấp 91	42		
	- Số người	43		
	- Số tiền	44		
1.5	Tai nạn lao động	45		
	- Số người	46		
	- Số tiền	47		
1.6	Bệnh nghề nghiệp	48		
	- Số người	49		
	- Số tiền	50		
1.7	Người phục vụ đối tượng bị TNLD-BNN	51		
	- Số người	52		
	- Số tiền	53		
1.8	Chế độ tuất	54		
	- Số người	55		
	- Số tiền	56		
2	Chi một lần	57		
	- Số người	58		
	- Số tiền	59		
B2	CHI BHXH TỪ QUỸ BHXH	60	0	
B2.1	Quỹ ốm đau, thai sản	61	0	
1	Ôm đau	62		
	- Số lượt người	63		
	- Số tiền	64		
2	Thai sản	65		
	- Số lượt người	66		
	- Số tiền	67		
3	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, TS	68		
	- Số lượt người	69		
	- Số tiền	70		
B2.2	Quỹ TNLD-BNN	71	0	0
1	Chi trợ cấp hàng tháng	72	0	0
1.1	Tai nạn lao động	73		
	- Số người	74		
	- Số tiền	75		
1.2	Bệnh nghề nghiệp	76		
	- Số người	77		
	- Số tiền	78		
2	Chi trợ cấp một lần	79	0	0
2.1	Tai nạn lao động	80		
	- Số người	81		
	- Số tiền	82		

09597032

CÁC CHỈ TIÊU		Mã số	Số phát sinh trong tháng	Lũy kế đến kỳ báo cáo
1		2	3	4
2.2	Bệnh nghề nghiệp	83		
	- Số người	84		
	- Số tiền	85		
3	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau TNLĐ, BNN	86		
	- Số người	87		
	- Số tiền	88		
B2.3	Quỹ hưu trí, tử tuất	89	0	0
1	Chi hàng tháng	90	0	0
1.1	Hưu trí	91		
	- Số người	92		
	- Số tiền	93		
1.2	Trợ cấp tuất	94		
	- Số người	95		
	- Số tiền	96		
2	Chi một lần	97	0	0
2.1	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu	98		
	- Số người	99		
	- Số tiền	100		
2.2	Trợ cấp khu vực một lần	101		
	- Số người	102		
	- Số tiền	103		
2.3	Bảo hiểm xã hội một lần	104		
	- Số người	105		
	- Số tiền	106		
2.4	Trợ cấp mai táng	107		
	- Số người	108		
	- Số tiền	109		
2.5	Trợ cấp tuất	110		
	- Số người	111		
	- Số tiền	112		
B3	BHXH TỰ NGUYỆN	113	0	0
1	Chi hàng tháng	114		
	- Số người	115		
	- Số tiền	116		
2	Chi một lần	117	0	0
2.1	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu	118		
	- Số người	119		
	- Số tiền	120		
2.2	Bảo hiểm xã hội một lần	121		
	- Số người	122		
	- Số tiền	123		
2.3	Trợ cấp mai táng	124		
	- Số người	125		
	- Số tiền	126		
2.4	Trợ cấp tuất	127		

09597032

CÁC CHỈ TIÊU		Mã số	Số phát sinh trong tháng	Lũy kế đến kỳ báo cáo
1		2	3	4
	- Số người	128		
	- Số tiền	129		
B4	BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP	130	0	0
1	Chi trợ cấp thất nghiệp	131		
	- Số người	132		
	- Số tiền	133		
2	Chi hỗ trợ học nghề	134		
	- Số người	135		
	- Số tiền	136		
3	Chi hỗ trợ tìm việc làm	137		
	- Số người	138		
	- Số tiền	139		
B5	CHI KHÁM CHỮA BỆNH BHYT	140	Trong quý	Lũy kế từ đầu năm
B5.1	Chi quỹ khám chữa bệnh BHYT	141	0	0
1	Nhóm 1 (Theo phân nhóm tại QĐ số 82)*	142		
	- Số lượt người	143		
	- Số tiền	144		
2	Nhóm 2	145		
	- Số lượt người	146		
	- Số tiền	147		
3	Nhóm 3 (Người nghèo, cận nghèo)	148		
	- Số lượt người	149		
	- Số tiền	150		
4	Nhóm 4 (Trẻ em dưới 6 tuổi)	151		
	- Số lượt người	152		
	- Số tiền	153		
5	Nhóm 5 (Lưu học sinh, học sinh, sinh viên)	154		
	- Số lượt người	155		
	- Số tiền	156		
6	Nhóm 6 (Tự nguyện)	157		
	- Số lượt người	158		
	- Số tiền	159		
B6	Cân đối quỹ KCB BHYT	160		

Ngày Tháng Năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KH-TC

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

* Ghi chú: Phân nhóm đối tượng tại Quyết định số 82/QĐ-BHXH ngày 20/01/2010

Đối tượng tham gia BHYT theo Điều 1 TTLT số 09/BYT-BTC ngày 14/8/2009

Nhóm 1: Đối tượng quy định tại các khoản :1, 2, 8, 12

Nhóm 2: Đối tượng quy định tại các khoản: 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 16, 18, 25.

Nhóm 3: Đối tượng quy định tại các khoản: 14, 20. Nhóm 4: Đối tượng quy định tại các khoản: 17

Nhóm 5: Đối tượng quy định tại các khoản: 19, 21. Nhóm 6: Đối tượng quy định tại các khoản: 22, 23 24

09597032



HƯỚNG DẪN CÁCH GHI BIỂU SỐ 01BC

1. Nội dung biểu mẫu báo cáo

Cột 1: Các chỉ tiêu thu, chi Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.

Cột 2 : Ghi mã số các chỉ tiêu.

Cột 3: Ghi số liệu thu, chi BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong tháng báo cáo.

Cột 4: Ghi số lũy kế đến tháng báo cáo.

2. Cách ghi các chỉ tiêu

2.1. Phòng Thu:

Trên cơ sở báo cáo số liệu theo các chỉ tiêu thu(A) của BHXH các quận, huyện, phòng Thu tổng hợp số liệu thu toàn tỉnh theo các chỉ tiêu thu, Trưởng phòng ký xác nhận và chuyển về phòng Kế hoạch - Tài chính ngày 26 hàng tháng.

Cách ghi nội dung các chỉ tiêu thu:

- Chỉ tiêu BHXH:

+ Số người: cột 3 ghi số lao động đóng BHXH bắt buộc tăng trong tháng (tăng mới, đóng tiếp sau thời gian tạm dừng... theo Luật định và các văn bản hướng dẫn công tác thu BHXH); cột 4 ghi số lao động có mặt đóng BHXH bắt buộc tại thời điểm báo cáo (*bằng số lao động cuối kỳ trước cộng số lao động tăng đóng trong tháng trừ số lao động giảm đóng trong tháng*).

+ Số tiền: cột 3 ghi số tiền BHXH bắt buộc đã thu được trong kỳ báo cáo (trong tháng báo cáo); cột 4 ghi lũy kế từ đầu năm số tiền BHXH bắt buộc đã thu được.

- Chỉ tiêu BHXH tự nguyện; Chỉ tiêu Bảo hiểm thất nghiệp :cách ghi tương tự như chỉ tiêu BHXH bắt buộc.

- Chỉ tiêu BHYT:

+ Số tiền thu BHYT: cột 3 ghi số tiền BHYT đã thu được trong kỳ báo cáo (trong tháng báo cáo); cột 4 ghi lũy kế từ đầu năm số tiền BHYT đã thu được.

+ Số người đóng BHYT : cột 3 ghi số người đóng BHYT tăng mới trong tháng (ghi tất cả các đối tượng đóng BHYT theo qui định tại Điều 12 Luật BHYT tăng mới trong tháng); cột 4 ghi tổng số người đóng BHYT đến ngày chốt số báo cáo gồm tất cả các đối tượng đóng BHYT (25 loại đối tượng) theo qui định tại Điều 12 Luật BHYT (*Bảng số người đóng BHYT cuối kỳ trước cộng số người đóng BHYT tăng trong tháng báo cáo trừ số người giảm đóng BHYT trong tháng*).

Cột 3 ghi số người đóng BHYT tăng mới trong tháng báo cáo chi tiết cho từng loại đối tượng; Cột 4 ghi tổng số người đóng BHYT đến cuối tháng báo cáo chi tiết cho từng loại đối tượng.

- Chi tiêu Thu tiền lãi và phạt chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN: cột 3 ghi số tiền thu lãi phạt chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN (nếu có) trong tháng báo cáo; cột 4 ghi lũy kế số tiền thu lãi phạt chậm đóng.

- Chi tiêu Số tiền nợ đọng: chỉ ghi số liệu ở cột 4 số tiền nợ đọng.

- + Trong đó :
- * Số tiền nợ trên 1 tháng đến dưới 3 tháng,
 - * Số tiền nợ từ 3 tháng đến dưới 6 tháng,
 - * Số tiền nợ từ 6 tháng đến dưới 12 tháng,
 - * Số tiền nợ từ 12 tháng trở lên.

2.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính:

Phòng Kế hoạch tài chính tổng hợp các số liệu chi BHXH hàng tháng

Chi BHXH bắt buộc từ NSNN:

Chi tiêu B1.1 : Số tiền chi hàng tháng và số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn ngân sách Nhà nước bao gồm: Hưu quân đội, Hưu viên chức , Công nhân cao su, Mất sức lao động, Trợ cấp 91, TNLD BNN, người phục vụ người bị TNLD BNN, Trợ cấp tuất cơ bản và trợ cấp tuất nuôi dưỡng; trong đó ghi chi tiết số đối tượng hưởng chế độ hưu trí và số đối tượng hưởng

chế độ mất sức lao động, trợ cấp 91. Số đối tượng chỉ ghi số liệu ở cột 2 : số đối tượng hưởng ở thời điểm báo cáo.

Chỉ tiêu B1.2: Số tiền chi các chế độ BHXH một lần và số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ nguồn ngân sách Nhà nước bao gồm: người chết hưởng mai táng phí; Tuất một lần; Phụ cấp khu vực một lần; Trang cấp dụng cụ chỉnh hình; Số đối tượng hưởng cột 3 ghi số đối tượng phát sinh tăng trong tháng; Cột 4 ghi tổng số lượt đối tượng hưởng đến tháng báo cáo.

Chi BHXH bắt buộc từ Quỹ BHXH:

Chỉ tiêu B2.1: Số tiền chi từ quỹ ốm đau, thai sản và số lượt người hưởng Được ghi chi tiết bao gồm: Ốm đau, Thai sản, Dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau thai sản.

Chỉ tiêu B2.2.1 : Số tiền chi trợ cấp hàng tháng và số người hưởng hàng tháng bao gồm: TNLĐ, BNN, Người phục vụ người bị TNLĐ BNN được hưởng hàng tháng.

Chỉ tiêu B2.2.2: Số tiền chi trợ cấp một lần và số người hưởng một lần bao gồm: Hưởng TNLĐ BNN một lần, Trợ cấp một lần khi chết do TNLĐ BNN, Trang cấp dụng cụ chỉnh hình, Dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau TNLĐ BNN, Chi khen thưởng do làm tốt công tác an toàn lao động (nếu có).

Chỉ tiêu B2.3.1.: Số tiền chi các chế độ hưu trí, trợ cấp tuất hàng tháng và số người hưởng hàng tháng bao gồm: Hưu quân đội, Hưu viên chức, Trợ cấp cán bộ xã, Trợ cấp tuất cơ bản, trợ cấp tuất nuôi dưỡng.

Chỉ tiêu B2.3.2: Số tiền chi các chế độ một lần và số người hưởng một lần bao gồm: Chi BHXH một lần (Điều 55), Trợ cấp trên 25, 30 năm (Điều 54), Trợ cấp khu vực một lần, người chết hưởng mai táng phí, Tuất một lần, Trang cấp dụng cụ chỉnh hình.

Chi BHXH tự nguyện:

Chỉ tiêu B3.2 Số tiền chi BHXH một lần và số người hưởng một lần bao gồm: Hưởng BHXH một lần, Mai táng phí, Tử tuất một lần.

Chi Bảo hiểm thất nghiệp: Ghi chi tiết theo các chỉ tiêu cụ thể.

Các chỉ tiêu được qui định theo mã số từ 01 đến 160 trong quá trình lập báo cáo, người lập phải phản ánh đúng các chỉ tiêu theo mã số không được tự ý thêm bớt mã số. nếu có vấn đề gì vướng mắc có thể ghi ở ngoài bảng.

Hàng quý ghi lệ phí chi trả vào tổng chi của từng nguồn và ghi chú số tiền lệ phí chi ở ngoài bảng.

2.3. Phòng giám định BHYT:

Căn cứ vào các chỉ tiêu Chi (B5) trong mẫu báo cáo, Phòng giám định BHYT tình tổng hợp về tình hình chi phí KCB trong quý của các cơ sở KCB có ký hợp đồng với BHXH theo đề nghị quyết toán của các cơ sở KCB đó và tổng hợp cả số chi phí KCB đa tuyến (nếu đã có số liệu) theo các chỉ tiêu về chi KCB (B5), Trưởng phòng ký xác nhận chuyển cho Phòng Kế hoạch Tài chính trước ngày 26 tháng cuối quý.(ví dụ: ngày 25/6/2010 Phòng giám định BHYT *tổng hợp số đề nghị quyết toán của các cơ sở KCB trong toàn tỉnh kể cả thanh toán đa tuyến và thanh toán trực tiếp* thì cột 3 ghi số liệu chi phí KCB BHYT của quý 2; cột 4 ghi số liệu chi phí KCB BHYT đã được duyệt của quý 1 cộng với chi phí KCB BHYT của quý 2). Chỉ tiêu cân đối quỹ KCB BHYT : cột 3 ghi số liệu ước cân đối số tiền chi quỹ KCB BHYT được phép sử dụng trong quý, nếu số chi so với số được phép sử dụng trong quý vượt (bội chi quỹ KCB) ghi số âm(-); nếu số chi ít hơn so với số được phép sử dụng trong quý (kết dư quỹ KCB) ghi số dương (+); số chi so với số được phép sử dụng trong quý bằng nhau (cân đối quỹ KCB) ghi số không (0); Cột 4 ghi số liệu ước cân đối số tiền chi quỹ KCB BHYT được phép sử dụng từ đầu năm đến kỳ báo cáo, nếu số chi so với số được phép sử dụng vượt (bội chi quỹ KCB) ghi số âm(-); nếu số chi ít hơn so với số được phép sử dụng (kết dư quỹ KCB) ghi số dương (+); số chi so với số được phép sử dụng bằng nhau (cân đối quỹ KCB) ghi số không (0). Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú và khám chữa bệnh ngoại trú ghi chi tiết một số nhóm đối tượng theo mẫu.

Phòng Kế hoạch Tài chính tổng hợp số liệu của phòng Thu, phòng Giám định y tế và số liệu chi BHXH, BHYT, lập báo cáo về tình hình thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN trình Giám đốc BHXH tỉnh, thành phố ký, đóng dấu gửi về Ban Kế hoạch - Tài chính Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Yêu cầu Giám đốc BHXH các tỉnh thành phố nghiêm chỉnh thực hiện báo cáo đúng thời gian qui định. Gửi qua Email : tk_khtc@vss.gov.vn. Hoặc: thongkevss@yahoo.com.vn
Số fax: 04 39361779.

Mọi vấn đề vướng mắc phản ánh về Ban KHTC BHXH VN
số ĐT: 0439361749./.